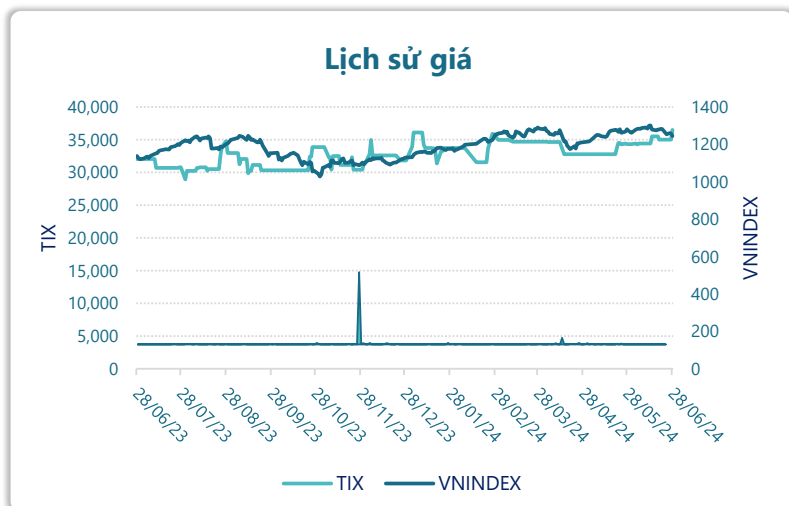


CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (HSX: TIX)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	36,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,938
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	145
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,095
P/E	10.6
EPS	3,438

DT thuần

Q2/24

56.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.80 | 7.2%

YoY: ▲ 2.70 | 5.0%

LN sau thuế

Q2/24

22.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.60 | -25.6%

YoY: ▼3.20 | -12.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

47.2%

+/- YoY: ▼ 10.3%

DT thuần

6T 2024

109

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.00 | 1.5%

LN sau thuế

6T 2024

52.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.30 | -9.2%

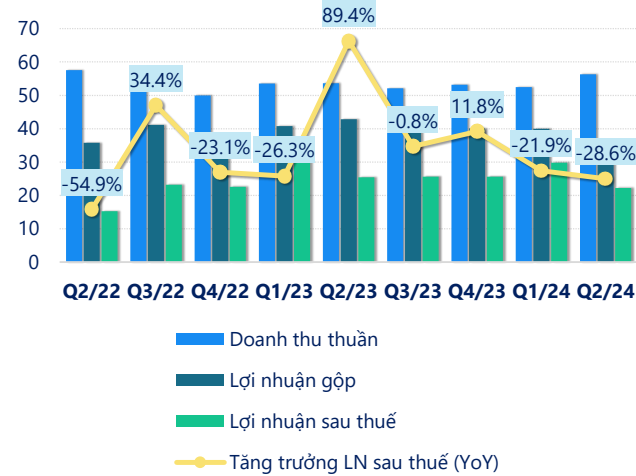
ROE

Q2/24

12.6%

tỷ VNĐ

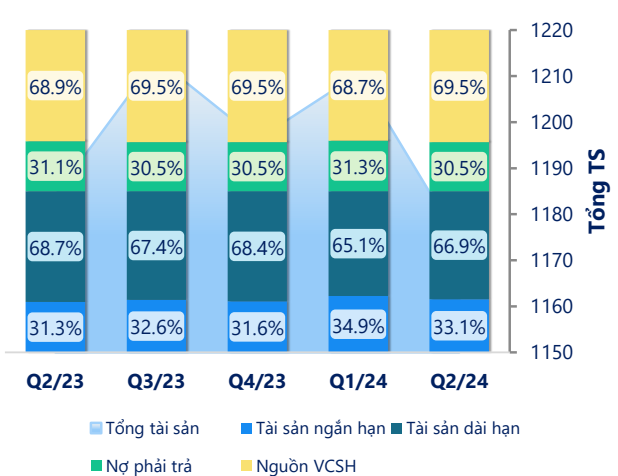
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

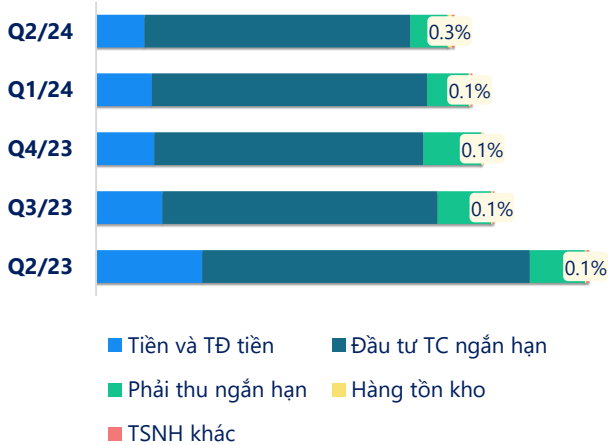
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



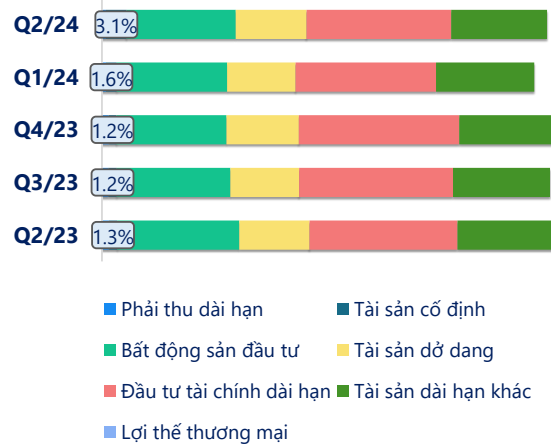
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

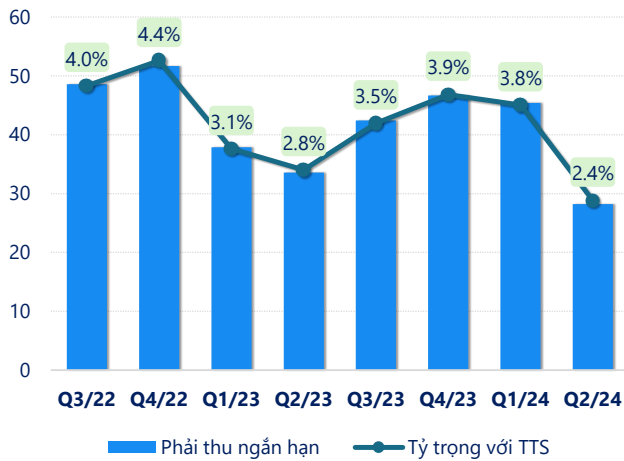
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

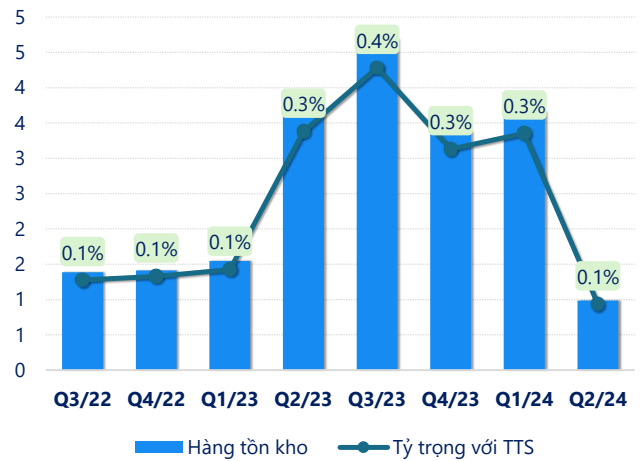
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

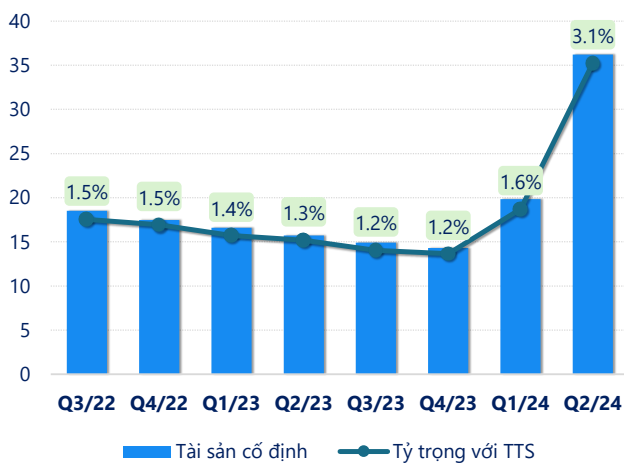
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

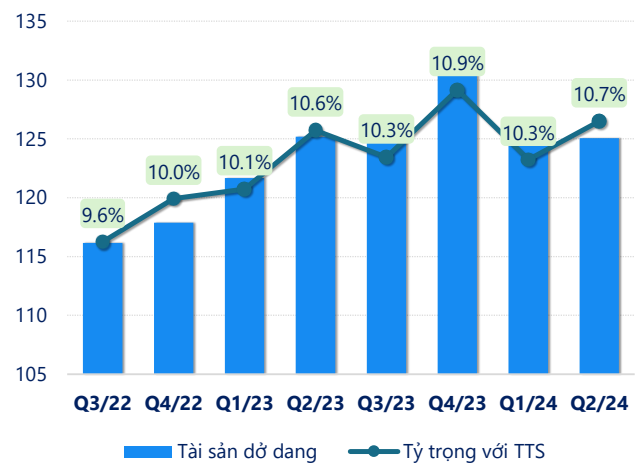
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

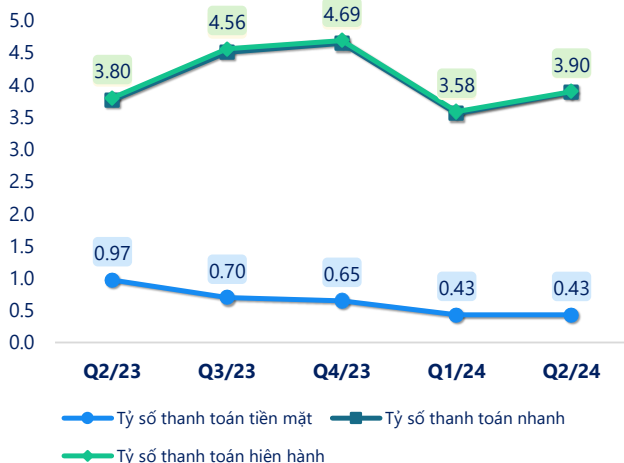
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



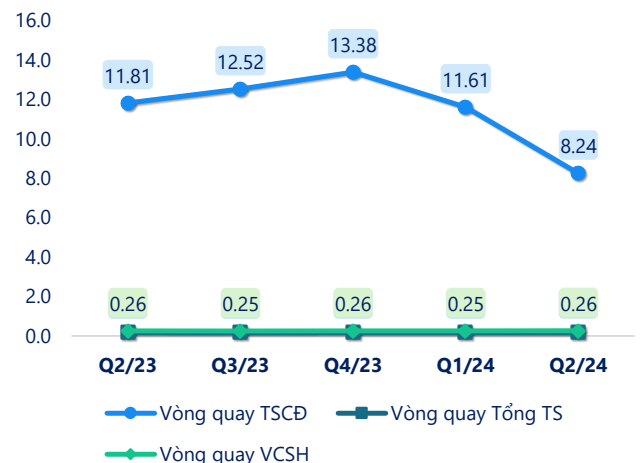
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	1,184	1,214	1,196	1,210	1,174
Tài sản ngắn hạn	371	396	378	423	388
Tiền và tương đương tiền	94.6	60.5	52.3	50.9	42.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	237	286	276	323	307
Phải thu ngắn hạn	33.6	42.4	46.7	45.4	28.2
Hàng tồn kho	3.60	4.68	3.37	3.65	0.99
Tài sản ngắn hạn khác	2.42	1.80	0.11	0.08	9.52
Tài sản dài hạn	813	818	818	787	786
Phải thu dài hạn	11.9	11.9	11.9	7.28	7.28
Tài sản cố định	15.7	14.9	14.3	19.8	36.2
Bất động sản đầu tư	217	208	198	201	193
Tài sản dở dang	125	126	131	125	125
Đầu tư tài chính dài hạn	263	281	288	256	256
Tài sản dài hạn khác	180	177	175	179	169
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	368	371	365	379	358
Nợ ngắn hạn	97.6	86.8	80.6	118	99.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.78	2.00	3.18	2.15	3.07
Nợ dài hạn	271	284	284	261	259
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	816	843	831	831	816
Vốn chủ sở hữu	816	843	831	831	816
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)